TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 540/2021/HC-PT
Ngày 31 - 12 - 2021
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành và hành vi hành chính*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Lê Thành Long.

- ***Thư ký phiên tòa***: Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại phòng xét xử số 5 trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 447/2021/TLPT-HC ngày 05 tháng 10 năm 2021, về việc "*khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 548/2021/HC-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2790/2021/QĐPT-HC ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Cao Thị H, sinh năm 1959 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phan Văn Tr, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp AH, xã ATĐ, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân (gọi tắt là: UBND) huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ tịch UBND huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Đường LVN, khu phố GA, thị trấn CT, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trương Tiến Tr1 – Phó Chủ tịch UBND huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Ng – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phan Văn Tr, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp AH, xã ATĐ, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* UBND huyện CG là người bị kiện.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/11/2020 và đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 05/11/2020, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Cao Thị H có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Văn Tr trình bày:

Vợ chồng ông là người dân có hộ khẩu tại xã ATĐ, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1997, do có nhu cầu về sản xuất nên vợ chồng ông cùng một số hộ dân khác đã làm đơn để xin được cấp đất để khai hoang, sản xuất.

Ngày 20/12/1997, UBND huyện CG đã ban hành quyết định giao đất số 42/QĐ-UB, theo đó đã giao cho hộ gia đình bà H diện tích đất là 14.645m^2 thuộc thửa 2^{-15}, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp AN, xã ATĐ, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh để khai hoang, sản xuất và nuôi trồng thủy sản.

Ngày 03/11/2004, hộ gia đình bà H được UBND huyện CG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là: GCN.QSDĐ) số 6934/QSDĐ–SX với diện tích là 13.734m^2 thuộc thửa số 15, 21, tờ bản đồ số 08, ấp AN, xã ATĐ, huyện CG.

Ngày 20/8/2007, Huyện ủy huyện CG có Chỉ thị số 09-CT/HU về tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện, theo đó vận động cán bộ, đảng viên tự nguyện trả lại đất để tạo quỹ đất công cho địa phương. Thực hiện Chỉ thị nêu trên của Huyện ủy huyện CG, ông Tr có đơn xin trả lại toàn bộ phần diện tích đất 13.734m^2 thể hiện trên GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ–SX ngày 03/11/2004.

Sau đó, ngày 24/9/2007, UBND huyện CG ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND thu hồi phần diện tích 13.734m^2 của hộ gia đình bà H.

Ngày 28/9/2011, UBND huyện CG ban hành Quyết định số 624/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ–SX với diện tích 13.734m^2 thuộc thửa số 15, 21, tờ bản đồ số 08, ấp AN, xã ATĐ, huyện CG.

Kể từ khi UBND huyện CG ban hành các quyết định thu hồi đất và GCN.QSDĐ thì gia đình bà H vẫn tiếp tục sản xuất nuôi trồng thủy sản trên toàn bộ phần diện tích đất 13.734m^2 nêu trên (nuôi tôm thẻ chân trắng). UBND huyện CG không có bất kỳ động thái nào về việc sử dụng đất của gia đình bà H, cũng không triển khai bất kỳ dự án nào hay thực hiện quy hoạch cho công trình công cộng nào trên đất mà gia đình bà H đang canh tác.

Như vậy, việc UBND huyện CG thu hồi đất và thu hồi GCN.QSDĐ của hộ gia đình bà H chỉ thể hiện về mặt thủ tục do ông Tr có đơn xin tự nguyện trả lại đất. Tuy nhiên, thực tế thì phần đất này vẫn do gia đình bà H trực tiếp quản lý và sử dụng từ thời điểm có quyết định giao đất cho đến nay (từ năm 1997 cho đến năm 2021). Nguồn gốc đất rõ ràng (do UBND huyện CG giao đất theo Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 20/12/1997), sử dụng ổn định, không tranh chấp, đất không thuộc diện do Nhà nước quản lý. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông chưa vi phạm bất kỳ quy định nào về sử dụng đất đai theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ. Tuy Nhà nước có quyết định thu hồi đất và thu hồi GCN.QSDĐ nhưng thực tế Nhà nước chưa triển khai thực hiện quyết định nên căn cứ Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013 thì gia đình bà H được tiếp tục sử dụng đất và được xem xét cấp GCN.QSDĐ theo quy định.

Do vậy, bà H có yêu cầu xin cấp GCN.QSDĐ nhưng ngày 23/12/2019 Chủ tịch UBND huyện CG ban hành văn bản số 6073/UBND trả lời đơn của bà H, theo đó, cho rằng yêu cầu xin cấp GCN.QSDĐ của bà H là không có cơ sở để xem xét.

Nay, bà H khởi kiện UBND huyện CG và Chủ tịch UBND huyện CG yêu cầu:

1. Hủy Công văn số 6073/UBND ngày 23/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện CG.

2. Tuyên hành vi của UBND huyện CG không cấp GCN.QSDĐ cho bà Cao Thị H với diện tích 13.734m^2, thuộc thửa số 15, 21, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã ATĐ, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh là trái quy định của pháp luật.

3. Buộc UBND huyện CG cấp GCN.QSDĐ nêu trên cho bà Cao Thị H theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện là UBND huyện CG và Chủ tịch UBND huyện CG có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt, có văn bản số 6949/UBND ngày 15/12/2020 và văn bản số 7328/UBND ngày 30/12/2020 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

Năm 1997, bà Cao Thị H (vợ ông Phan Văn Tr) được UBND huyện CG tạm giao 14.645 m^2 đất hoang (Hgb), nhằm thửa 2^{-15}, tờ bản đồ số 08, xã ATĐ để khai hoang, sản xuất nông nghiệp theo Quyết định giao đất số 42/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 1997.

Từ sau khi được giao đất, hộ bà Cao Thị H có đầu tư sản xuất nuôi trồng thủy sản. Đến ngày 03/11/2004, hộ bà Cao Thị H được UBND huyện CG cấp GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ-SX với diện tích 13.734m^2 thuộc thửa 15, 21, tờ bản đồ số 08 (tỷ lệ 1/2000), xã ATĐ, mục đích sử dụng làm ao.

Ngày 20/8/2007, Huyện ủy CG có Chỉ thị số 09-CT/HU về tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện, theo đó vận động cán bộ, đảng viên tự nguyện trả lại đất để tạo quỹ đất công cho địa phương và UBND huyện ban hành Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 31/8/2007 về chấn chỉnh, khắc phục những sai phạm trong quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn huyện theo Thông báo kết luận số 206-TB/TU ngày 29/8/2007 của Ban Thường vụ Thành ủy.

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/HU của Huyện ủy và Kế hoạch số 63/KH-UBND của UBND huyện, ông Phan Văn Tr có đơn xin trả lại đất ngày 11/9/2007, trả lại phần đất diện tích 13.734m^2 thuộc thửa 15, 21, thuộc tờ bản đồ số 08, xã ATĐ, GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ-SX cấp ngày 03 tháng 11 năm 2004 do vợ là Cao Thị H đứng tên.

Căn cứ đơn xin trả lại đất của ông Phan Văn Tr, UBND huyện CG đã ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 24/9/2007 về thu hồi khu đất có diện tích 13.734m^2 thuộc thửa 15, 21, thuộc tờ bản đồ số 08, xã ATĐ tại GCN.QSDĐ số AA 094154 được vào Sổ cấp GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ-SX ngày 03/11/2004 của hộ bà Cao Thị H, ngụ tại ấp AH, xã ATĐ, huyện CG, lý do: Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất theo quy định tại Khoản 8, Điều 38 Luật Đất đai năm 2003 và Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 thu hồi và hủy bỏ GCN.QSDĐ số A024154 số vào sổ cấp GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ-SX ngày 03/11/2004 cấp cho hộ bà Cao Thị H, lý do: Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 42 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thu hồi GCN.QSDĐ trong trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 38 Luật Đất đai.

Ngày 07/3/2008, UBND huyện CG có Báo cáo số 07/BC.UBND-M về kết quả xử lý, khắc phục sai phạm trong công tác giao đất, cấp GCN.QSDĐ nông nghiệp. Theo Báo cáo thì hộ ông Phan Văn Tr thuộc một trong 41 trường hợp tự nguyện trả đất, đã có quyết định thu hồi đất, GCN.QSDĐ và UBND huyện CG kiến nghị UBND Thành phố xem xét hỗ trợ chi phí đầu tư trên đất thu hồi. Báo cáo số 07/BC.UBND-M ngày 07/3/2008 của UBND huyện CG được UBND Thành phố thống nhất tại Thông báo số 163/TB-VP-M ngày 09/4/2008 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND Thành phố về nội dung kết luận của Chủ tịch UBND Thành phố Lê Hoàng Qu tại buổi họp Thường trực UBND Thành phố ngày 31/3/2008 báo cáo kết quả xử lý, khắc phục sai phạm trong công tác giao đất, cấp GCN.QSDĐ nông nghiệp trên địa bàn huyện CG. UBND huyện CG đã xây dựng Phương án về xử lý đất đai và tiền sau khi thu hồi đối với các trường hợp giao đất, cấp GCN.QSDĐ sai quy định tại huyện CG (ban hành kèm theo Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 11/10/2012 của UBND huyện). Phương án này đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Công văn số 5965/UBND-ĐTMT ngày 19/11/2012 và hiện nay UBND huyện có Tờ trình số 3623/TTr-UBND ngày 30/8/2016, trình UBND Thành phố điều chỉnh phương án xử lý đất đai và tiền thu

hồi đối với trường hợp giao đất, cấp GCN.QSDĐ sai quy định tại huyện CG, trong đó trường hợp của hộ ông Phan Văn Tr được tính hỗ trợ chi phí đầu tư trên đất (phụ lục 6 - hộ bà Cao Thị H).

Như vậy, phần đất 13.734m^2 thuộc thửa 15, 21, thuộc tờ bản đồ số 08, xã ATĐ hộ ông Phan Văn Tr được UBND huyện giao đất và sử dụng vào mục đích đào ao nuôi tôm từ năm 1997, được cấp GCN.QSDĐ năm 2004 và đã tự nguyện trả lại đất năm 2007, UBND huyện CG thu hồi đất là phù hợp theo Khoản 8, Điều 38 Luật Đất đai năm 2003 và xem xét hỗ trợ chi phí đầu tư trên đất theo Thông báo số 163/TB-VP-M ngày 09/4/2008 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND Thành phố và Phương án về xử lý đất đai và tiền sau khi thu hồi đối với các trường hợp giao đất, cấp GCN.QSDĐ sai quy định tại huyện CG.

Việc ông Phan Văn Tr cho rằng phần đất trên do gia đình ông khai hoang sử dụng từ năm 1992 là không có căn cứ. Lý do: Theo hồ sơ giao đất năm 1997 (Quyết định giao đất số 42/QĐ-UB ngày 20/12/1997 cho bà Cao Thị H) thể hiện là đất hoang, chưa sử dụng, mục đích giao là để khai hoang sản xuất nông nghiệp; Tài liệu bản đồ theo Chỉ thị 02/CT-UB ngày 18 tháng 01 năm 1992 của UBND Thành phố, đo vẽ hiện trạng ngày 20/02/1995 thể hiện đất rừng tự nhiên (Rtn); Đơn xin trả lại đất ngày 11/9/2007, hộ ông Phan Văn Tr trình bày đất gia đình ông khai hoang năm 1995 (sau ngày 15/10/1993) và kết quả xác minh một số người dân địa phương thể hiện hộ gia đình ông sử dụng từ sau năm 1997.

Từ những cơ sở trên, việc bà Cao Thị H khiếu kiện không cấp GCN.QSDĐ đối với diện tích 14.645m^2 đất tại xã ATĐ, huyện CG của UBND huyện CG là trái pháp luật là không có sơ sở. Do đó, người bị kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Tr trình bày:

Ông là chồng của bà Cao Thị H, ông có cùng ý kiến, yêu cầu như bà H. Ông và bà H chung sống có với nhau 04 người con chung gồm: Phan Trung H1, sinh năm 1982; Phan Thị Thanh Th, sinh năm 1983; Phan Trung D, sinh năm 1985 và Phan Thị Thanh Ng1, sinh năm 1989.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 548/2021/HC-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 190, Điều 191, điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện bà Cao Thị H.

- Hủy Công văn số 6073/UBND ngày 23/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân huyện CG không cấp GCN.QSDĐ cho bà Cao Thị H với diện tích 13,734m^2, thuộc thửa số 15-21, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã ATĐ, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh là trái quy định của pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện CG cấp GCN.QSDĐ cho bà Cao Thị H phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Tại Quyết định số 3714/QĐ-VKS-HC ngày 07/5/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 548/2021/HC-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do:

- Bản án sơ thẩm nhận định*: "Mặc dù, UBND huyện CG đã có quyết định thu hồi đất của bà H từ năm 2007 nhưng từ thời điểm thu hồi cho đến nay (hơn 10 năm) thì bà H vẫn là người trực tiếp canh tác, quản lý sử dụng liên tục ổn định trên phần đất này nên theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trong trường hợp này bà H được tiếp tục sử dụng và được xem xét cấp GCN.QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà H theo quy định của pháp luật".* Từ nhận định trên, Tòa sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H là không có cơ sở. Bởi lẽ:

Thứ nhất: Thời điểm năm 1997, UBND huyện CG có quyết định giao đất số 42/QĐ-UB và cấp GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ-SX ngày 03/11/2004 cho hộ bà H (bà H là vợ của ông Phan Văn Tr là cán bộ Đảng viên huyện CG) không đúng đối tượng, sau khi UBND Thành phố có chỉ đạo UBND huyện CG khắc phục sai phạm, gia đình bà H có đơn tự nguyện trả lại đất, UBND huyện CG ra quyết định thu hồi đất và hủy bỏ GCN.QSDĐ cấp cho hộ bà H là đúng quy định tại khoản 8 Điều 38 Luật đất đai năm 2003. Tại Điều 2 Quyết định thu hồi đất số 1264/QĐ-UBND ngày 24/9/2007, UBND huyện CG đã giao UBND xã ATĐ quản lý khu đất trên có diện tích 13.734m^2 nhằm thửa 15-21 thuộc tờ 8 xã ATĐ theo chế độ đất công. Đồng thời ban hành phương án về xử lý đất đai và tiền sau khi thu hồi đối với trường hợp giao đất, cấp GCN.QSDĐ sai quy định tại huyện CG theo Tờ trình số 41/TTr-UBD ngày 11/10/2012 đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận tại Công văn số 5965/UBND-ĐTMT ngày 19/11/2012. Tuy nhiên, UBND huyện CG chưa tiến hành việc hỗ trợ giá trị tài sản, chi phí đầu tư trên đất đối với hộ bà H, vì vậy thuộc trường hợp chậm bồi thường theo

quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Nhưng Bản án hành chính sơ thẩm lại nhận định: *"UBND xã ATĐ không thực hiện việc quản lý, sử dụng mà bà H trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này, quá trình bà H quản lý, sử dụng cũng không bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc không bị cưỡng chế thu hồi. Như vậy cho thấy Quyết định thu hồi đất số 1264/QĐ-UBND ngày 24/9/2007 của UBND huyện CG chưa được thực hiện"* là không đúng.

Thứ hai: Căn cứ Thông báo số 163/TB-VP-M ngày 09/4/2008 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND Thành phố về kết quả xử lý và khắc phục sai phạm trong công tác giao đất, cấp GCN.QSDĐ nông nghiệp trên địa bàn huyện CG, đã xác định UBND huyện CG đã có sai phạm nghiêm trọng về giao đất nông nghiệp không đúng đối tượng, do đó Ban Thường vụ Thành ủy đã có chỉ đạo khắc phục (Thông báo số 206-TB-TU ngày 29/8/2007 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh). Thực hiện chỉ đạo của Thành Ủy UBND huyện CG đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 1264/QĐ-UBND ngày 24/9/2007 và Quyết định thu hồi hủy bỏ GCN.QSDĐ số 624/QĐ-UBND ngày 28/9/2011. Việc, Tòa sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 36 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 cho rằng bà Cao Thị H có đủ điều kiện cấp GCN.QSDĐ là trái quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ.CP ngày 15/5/2014 "Điều 19. Các trường hợp không cấp GCN.QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất….

6. Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp GCN.QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

Theo quy định trên bà H không thuộc trường hợp được cấp GCN.QSDĐ.

Thứ ba: Hồ sơ thể hiện bà H có quá trình sử dụng đất từ sau ngày 15/10/1993, sau khi bị thu hồi đất và hủy bỏ GCN.QSDĐ, hộ bà H tiếp tục sử dụng phần đất trên để nuôi trồng thủy sản đến ngày xin cấp lại GCN.QSDĐ, nhưng không có phương án sản xuất cụ thể, nên không thuộc trường hợp không thu hồi đất, và nếu có phương án, nhu cầu sản xuất cũng chỉ được giải quyết cho thuê có thời hạn căn cứ mục 2.1 và 2.2 của Thông báo số 163/TB-VP-M ngày 09/4/2008 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND Thành phố.

Thứ tư: Tòa sơ thẩm chưa tiến hành xác minh quy hoạch tại các cơ quan chức năng như Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường…đối với phần đất trên, cũng như chưa làm rõ nội dung UBND huyện CG đã có kế hoạch sử dụng đất trên như thế nào? Xét thấy thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, nhưng vẫn ra quyết định chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện *"Tuyên hành vi của UBND huyện CG không cấp GCN.QSDĐ cho bà Cao Thị H với diện tích 13.734m^2 thuộc thửa 15-21 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã ATĐ huyện CG…là trái quy định của pháp luật và buộc UBND huyện CG cấp GCN.QSDĐ cho bà H phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật*". Như vậy, là vi phạm về thẩm

quyền cấp GCN.QSDĐ cũng như chưa đảm bảo giải quyết vụ án một cách khách quan và toàn diện.

Vì các lẽ trên: Kháng nghị toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 548/2021/HC-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục phúc thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 14/5/2021, UBND huyện CG có đơn kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 548/2021/HC-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung kháng cáo: Người bị kiện bảo lưu lời trình bày của mình như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên. Bà Cao Thị H khiếu kiện không cấp GCN.QSDĐ đối với diện tích 14.645m^2 đất tại xã ATĐ, huyện CG của UBND huyện là trái pháp luật, không có cơ sở. Tòa sơ thẩm ban hành Bản án số 548/2021/HC-ST ngày 22/4/2021 chấp nhận khởi kiện của bà H, buộc UBND huyện CG cấp GCN.QSDĐ đối với phần đất nêu trên là chưa phù hợp. Ngoài ra, nội dung của bản án có những điểm chưa đúng quy định, cụ thể:

Năm 2007, bà H có đơn tự nguyện trả lại đất, UBND huyện ban hành Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 24/9/2007 thu hồi đất là phù hợp với khoản 8, Điều 38 Luật đất đai năm 2003. Nếu sau khi thu hồi bà H sử dụng khu đất này, thì quá trình sử dụng của bà H phải tính từ năm 2007 trở về sau. Vậy bà H sử dụng đất sau ngày 01/7/2004 sẽ không đủ điều kiện cấp GCN.QSDĐ theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND Huyện CG phải cấp GCN.QSDĐ cho bà H là trái pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 36, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để áp dụng đối với trường hợp của bà H là không phù hợp. Bởi vì điều khoản này áp dụng đối với trường hợp Nhà nước đã có quyết định quản lý đối với đất đai, tài sản có trong quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước nhưng thực tế Nhà nước chưa thực hiện quyết định, còn vụ việc của bà H không thuộc trường hợp đã có quyết định quản lý đất đai, tài sản đó trong quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước mà là Nhà nước có quyết định thu hồi theo đơn tự nguyện trả lại đất.

Từ những cơ sở trên, UBND huyện kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, trình bày*: UBND huyện CG, giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo nêu trên. Do UBND huyện CG thu hồi đất của hộ bà H là trên cơ sở đơn xin tự nguyện trả lại đất của ông Tr nên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vẫn bảo lưu trình bày của người bị kiện theo nội dung án sơ thẩm đã nêu và theo đơn kháng cáo ngày 14/5/2021 của người bị kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 3714/QĐ-VKS-HC ngày 07/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Ông Phan Văn Tr người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Cao Thị H, trình bày*: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H, không đồng ý với kháng cáo của UBND huyện CG và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên lý do và căn cứ pháp luật để yêu cầu Tòa chấp nhận như đã trình bày tại nội dung án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND huyện CG và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Giữ nguyên nội dung và đề nghị kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 3714/QĐ-VKS-HC ngày 07/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục:

[1] Kháng cáo của UBND huyện CG và kháng nghị phúc thẩm số 3714/QĐ-VKS-HC của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đều đúng quy định theo tại Điều 206 và Điều 213 Luật tố tụng hành chính năm 2015 nên được xem xét tại cấp phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền và thời hiệu: Tòa sơ thẩm thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện theo khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung: Đối với kháng cáo của người bị kiện UBND huyện CG và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét:

[1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: UBND huyện CG ban hành Công văn số 6073/UBND ngày 23/12/2019 là phù hợp khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013.

[2] Về nội dung quyết định:

[2.1] Xét về nguồn gốc đất: Ngày 20/12/1997, UBND huyện CG đã ban hành quyết định giao đất số 42/QĐ-UB, theo đó đã giao cho hộ gia đình bà H diện tích đất là 14.645m^2 thuộc thửa 2^{-15}, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp AN, xã ATĐ, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh để khai hoang, sản xuất và nuôi trồng thủy sản.

Ngày 03/11/2004, hộ gia đình bà H được UBND huyện CG cấp GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ–SX với diện tích là 13.734m^2 thuộc thửa số 15, 21, tờ bản đồ số 08, ấp AN, xã ATĐ, huyện CG.

Ngày 20/8/2007, Huyện ủy huyện CG ban hành Chỉ thị số 09-CT/HU về tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện, theo đó vận động cán bộ, đảng viên tự nguyện trả lại đất để tạo quỹ đất công cho địa phương. Thực hiện Chỉ thị nêu trên của Huyện ủy huyện CG, ông Tr có đơn xin trả lại phần diện tích đất 13.734m^2 thể hiện trên GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ–SX ngày 03/11/2004.

Ngày 24/9/2007, UBND huyện CG ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND về thu hồi khu đất có diện tích 13.734m^2 thuộc thửa 15, 21, thuộc tờ bản đồ số 08, xã ATĐ tại GCN.QSDĐ số AA094154 được vào Sổ cấp GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ-SX ngày 03/11/2004 của hộ bà Cao Thị H và giao cho UBND xã ATĐ quản lý khu đất nêu trên theo chế độ đất công.

Ngày 28/9/2011, UBND huyện CG ban hành Quyết định số 624/QĐ-UBND thu hồi hủy bỏ GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ–SX với diện tích 13.734m^2 thuộc thửa số 15, 21, tờ bản đồ số 08, ấp AN, xã ATĐ, huyện CG.

Theo người khởi kiện là bà Cao Thị H có ông Phan Văn Tr là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Kể từ khi UBND huyện CG ban hành các quyết định thu hồi đất và GCN.QSDĐ nêu trên của bà H thì gia đình bà H vẫn tiếp tục sản xuất nuôi trồng thủy sản trên toàn bộ phần diện tích đất 13.734m^2 nêu trên, UBND huyện CG không có triển khai bất kỳ dự án nào trên phần đất đã thu hồi của bà H.

Theo người bị kiện và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cũng thừa nhận lời trình bày của người khởi kiện về quá trình quản lý, sử dụng, giao đất và thu hồi đất như người khởi kiện trình bày là đúng.

Theo Văn bản số 1342/PCDH-KD ngày 10/7/2020 của Công ty Điện lực Duyên Hải gửi bà H về việc phúc đáp đơn đề nghị tra cứu chỉ số đồng hồ điện mã PE1000018160 thể hiện: *"Tên khách hàng: Cao Thị H; địa chỉ: Thửa 15-21 ấp AN, xã ATĐ, huyện CG; Mã khách hàng: PE1000018160; Ngày ký hợp đồng mua bán điện: 05/10/2010. Từ ngày ký hợp đồng mua bán điện đến nay, khách hàng thanh toán tiền điện đầy đủ cho công ty."*

Tại Đơn xin xác nhận đang nuôi tôm tại ấp AN, xã ATĐ, huyện CG của bà Cao Thị H đề ngày 06/12/2019 có xác nhận của UBND xã ATĐ thể hiện: *"Bà Cao Thị H, sinh năm 1959, cư ngụ ấp AH, xã ATĐ, hiện có địa điểm sản xuất nuôi tôm tại thửa đất số 15-21, tờ bản đồ số 08 tại ấp AN, xã ATĐ, huyện CG là đúng."*

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí số 129581/TTĐĐBĐ-VPTT ngày 26/01/2021 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, khu đất có diện tích 14.711,5m^2 xã ATĐ, huyện CG.

Căn cứ quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 19517/2020/QĐ-XXTĐTC ngày 24/11/2020 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại vị trí nhà đất ấp AN, xã ATĐ, huyện CG do bà Cao Thị H đang sử dụng (phần diện tích đất mà bà H đang khởi kiện yêu cầu UBND huyện CG cấp GCN.QSDĐ cho bà H) nhận thấy: *"Toàn bộ khu đất thực tế đang nuôi tôm (diện tích khu đất theo đo vẽ của Trung tâm đo đạc bản đồ. Trên đất có nhà vách tôn, mái tôn, diện tích khoảng 60m^2)"*. Như vậy, thể hiện bà H đang là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất này.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cũng thừa nhận kể từ khi ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 24/9/2007 về thu hồi khu đất của bà H cho đến nay thì UBND huyện CG chưa triển khai thực hiện quyết định thu hồi đất của bà H, chưa có quyết định giao đất cho ai phần đất này cũng như chưa thực hiện việc đền bù cho bà H.

Tại Văn bản số 520/UBND ngày 10/7/2017 của UBND xã ATĐ về cung cấp thông tin quá trình sử dụng đất của hộ bà Cao Thị H thể hiện: *"Khu đất có diện tích 13.734m^2 thuộc thửa 15-21, thuộc tờ 08 (bản đồ 02), tọa lạc tại xã ATĐ đã được UBND huyện cấp GCN.QSDĐ số 6934/QSDĐ-SX ngày 03/11/2004 cho hộ bà Cao Thị H. Khu đất trên đầu tư, cải tạo làm ao nuôi tôm từ năm 2002 cho đến nay. Hiện trạng sử dụng đất: Đất ao, sử dụng vào mục đích nuôi tôm quảng canh. Ranh giới toàn khu đất hiện là ranh bờ đất. Từ khi có quyết định thu hồi đất, UBND xã ATĐ đã đưa vào quản lý theo chế độ đất công."* Tuy nhiên, UBND xã ATĐ cũng không thực hiện việc quản lý, sử dụng đất mà bà H là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất này, quá trình bà H quản lý sử dụng đất cũng không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với việc sử dụng đất hoặc bị cưỡng chế thu hồi đất đối với bà H. Như vậy, cho thấy, quyết định số 1264/QĐ-UB ngày 24/9/2009 của UBND huyện CG chưa thực hiện.

[2.2] Với các căn cứ trên cho thấy: Người khởi kiện, người bị kiện đều thừa nhận GCN.QSDĐ được cấp năm 2004 là do bà H đứng tên (hộ); đơn xin trả lại đất là do ông Tr chồng bà H đứng tên; đất hộ bà H được giao năm 1997 là đất hoang chưa sử dụng. Đây là các tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 79 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Như vậy, từ khi được cấp đất ngày 20/12/1997 đất hộ bà H được cấp là đất hoang chưa sử dụng thì hộ bà H đã khai hoang đào ao nuôi tôm đến khi được cấp GCN.QSDĐ do bà H đứng tên ngày 03/11/2007 và đến nay thì bà H luôn quản lý sử dụng đất được cấp vào mục đích nuôi trồng thủy sản và bà H chưa lần nào làm đơn trả lại đất nên bà H được xem là người sử dụng đất ổn định liên tục theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, vì thế việc UBND huyện CG chỉ căn cứ vào đơn xin trả lại đất của ông Tr để thu hồi đất cấp cho hộ bà H là không đúng quy định tại Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2000; Điều 108, Điều 109 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên việc người bị kiện căn vào đơn trả lại đất do ông Tr lập để cho rằng việc thu hồi đất của hộ bà H đúng quy định tại khoản 8 Điều 38 Luật đất đai năm 2003 là không có căn cứ.

[2.3] Tòa sơ thẩm căn cứ Điều 36 Nghị định số 43/2014/CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà trước đây cơ quan Nhà nước đã có quyết định quản lý đối với đất đai, tài sản đó trong quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước nhưng thực tế Nhà nước chưa thực hiện quyết định thì người đang sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được tiếp tục sử dụng và được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật."*. Từ những nhận định nêu trên nhận thấy, mặc dù UBND huyện CG đã có quyết định thu hồi phần đất của bà H từ năm 2007 nhưng từ thời điểm thu hồi cho đến nay (hơn 10 năm) thì bà H vẫn là người trực tiếp canh tác, quản lý sử dụng liên tục ổn định trên phần đất này nên theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trong trường hợp này bà H được tiếp tục sử dụng và được xem xét cấp GCN.QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà H theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc UBND huyện CG không xem xét cấp GCN.QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà H là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, đúng pháp luật; song khi quyết định Tòa sơ thẩm lại tuyên: Buộc UBND huyện CG cấp GCN.QSDĐ cho bà Cao Thị H phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật là chưa chính xác theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Nên sửa phần này của án sơ thẩm. Tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H:

- Hủy Công văn số 6073/UBND ngày 23/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân huyện CG không cấp GCN.QSDĐ cho bà Cao Thị H với diện tích 13,734m^2, thuộc thửa số 15-21, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã ATĐ, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh là trái quy định của pháp luật.

- Buộc UBND huyện CG thực hiện nhiệm vụ, công vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Cao Thị H phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

[2.4] Theo quy định tại Điều 78, Điều 83, 84 Luật tố tụng hành chính thì nghĩa vụ giao nộp chứng cứ là thuộc các đương sự, nếu đương sự không giao nộp chứng cứ hoặc giao nộp không đầy đủ thì thì Thẩm phán có thể tiến hành thu thập chứng cứ. Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không giao nộp chứng cứ đầy đủ, Thẩm phán cũng đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định, nên kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị hủy án do thu thập chứng cứ không đầy đủ là không có căn cứ.

[3] Từ những viện dẫn nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện; sửa án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, UBND huyện CG không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả UBND huyện CG 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0094760 ngày 09/6/2021 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241; khoản 4 Điều 32; Điều 78, 79; 83, 84, Điều 116; Điều 206; khoản 4 Điều 225; khoản 2 Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 21, khoản 4 Điều 22, Điều 36 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng nghị số 5714/QĐ-VKS-HC ngày 07/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận một phần kháng cáo của UBND huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh; Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 548/2021/HC-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H:

- Hủy Công văn số 6073/UBND ngày 23/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân huyện CG không cấp GCN.QSDĐ cho bà Cao Thị H với diện tích 13.734m^2, thuộc thửa số 15-21, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã ATĐ, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh là trái quy định của pháp luật.

- Buộc UBND huyện CG thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Cao Thị H phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện CG không phải chịu. Hoàn trả UBND huyện CG 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên

lai thu số: 0094760 ngày 09/6/2021 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC
- VKSNDCC tại TPHCM.
- TAND TP. HCM.
- VKSND TP. HCM.
- Cục THADS TP. HCM.
- Các đương sự (3).
- Lưu HS (02) VP (5) 16b (án 09)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tửu